

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 255/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 09 - 9 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Xuân Long - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Bùi Văn B, sinh năm 1981, địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987, Nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Là người bị tuyên bố mất tích theo quyết định số 49/2016/QĐDS-ST ngày 18/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 4 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh Bùi Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu, lấy nhau có tổ chức cưới theo phong tục địa phương và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã X, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 27/4/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 7 năm thì không còn hạnh phúc, mà phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính T vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên giữa vợ chồng hay xảy ra xích mích, cãi vã. Đến tháng 7/2012 chị T đã tự ý bỏ nhà đi khỏi địa phương, không nói cho anh và gia đình biết. Từ khi chị T bỏ đi, anh và gia đình đã đi tìm kiếm, hỏi han nhiều nơi nhưng không có tin tức gì về chị T, nên anh có làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân giải quyết tuyên bố chị T mất tích. Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã đăng tin tìm kiếm chị T trên báo Nhân Dân và trên Đài tiếng nói Việt Nam theo quy định, nhưng vẫn không có tin tức gì về chị T, nên ngày 18/11/2016 Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã giải quyết, tuyên bố chị Nguyễn Thị T mất tích. Đến nay anh vẫn không có tin tức xác thực về chị T, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh B xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Bùi Thị Th, sinh ngày 21/9/2015; hiện nay con đang ở với anh. Ly hôn, quan điểm của anh B là đề nghị tòa án giải quyết cho anh được quyền trực tiếp nuôi con; anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Anh B xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị T là người đã bị Tòa án tuyên bố mất tích; Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nhưng không có tin tức gì về chị T, nên Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định.

Tại bản tự khai ngày 22/6/2022 cháu Bùi Thị Th trình bày: Cháu là con gái duy nhất của bố B và mẹ T. Từ khi cháu lên 7 tuổi thì mẹ cháu (chị T) đã bỏ nhà đi, từ đó đến nay không về lần nào; bố cháu là người chăm sóc, nuôi cháu đến nay. Nay bố cháu yêu cầu ly hôn, nguyện vọng của cháu là xin được ở với bố (anh B), vì hiện nay không biết mẹ đang ở đâu.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 56, Điều 57, 81 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Về hôn nhân: Xử cho anh Bùi Văn B được ly hôn với chị Nguyễn Thị T. Về con chung: Giao con chung là cháu Bùi Thị Th, sinh ngày 21/9/2015 cho anh Bùi Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về án phí: Anh Bùi Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy

định của pháp luật. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Bùi Văn B khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị T, có hộ khẩu thường trú tại: Thôn B, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị T đã bị Tòa án tuyên bố là người mất tích, Quá trình giải quyết vụ án không có tin tức xác thực về chị T, nên căn cứ vào Điều 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn B và chị Nguyễn Thị T tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện Thọ Xuân cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/4/2009, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống T cảm giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nên từ năm 2012 chị T đã bỏ nhà đi biệt tích; anh B đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức xác thực về chị T, nên có làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố chị T mất tích. Tại Quyết định số 49/2016/QĐDS-ST ngày 18/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã giải quyết tuyên bố chị Nguyễn Thị T là người mất tích, cho đến nay vẫn không có tin tức xác thực về chị T đang ở đâu, còn sống hay đã chết. Nay anh B có đơn yêu cầu giải quyết xin được ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn”*, nên chấp nhận yêu cầu của anh B, xử cho anh Bùi Văn B được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

[3] Về con chung: Anh Bùi Văn B và chị Nguyễn Thị T có 01 (một) con chung là cháu Bùi Thị Th, sinh ngày 21/9/2015.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, hiện tại không có tin tức, không biết đang ở đâu, còn sống hay đã chết. Quá trình giải quyết vụ án, cháu Th có ý kiến thể hiện nguyện vọng xin được ở với bố (anh B); hơn nữa hiện tại cháu Th cũng đang ở ổn định với anh B, đã được anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tốt từ khi chị T bỏ đi biệt tích. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của con, cần chấp nhận đề nghị của anh B, giao con chung là cháu Bùi Thị Th cho anh Bùi Văn B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Chị T là người mất tích, không có lời khai trong hồ sơ; còn anh B có ý kiến không yêu cầu chị T phải

cấp dưỡng, đây là sự tự nguyện của anh B và phù hợp với quy định của pháp luật, do đó chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về phần tài sản và công nợ: Anh Bùi Văn B xác định vợ chồng không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết; trong khi chị Nguyễn Thị T là người mất tích, không có lời khai trong hồ sơ, do đó không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Bùi Văn B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Về hôn nhân:* Xử cho anh Bùi Văn B được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. *Về con chung:* Anh Bùi Văn B và chị Nguyễn Thị T có 01 (một) con chung là cháu Bùi Thị Th, sinh ngày 21/9/2015.

Giao con chung là cháu Bùi Thị Th cho anh Bùi Văn B được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ:* Không xem xét.

4. *Về án phí:* Anh Bùi Văn B phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh B đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0014292 ngày 15/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Như vậy, anh Bùi Văn B đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời

hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến